

Số 435 -TB/HVCTQG

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 720-KH/HVCTQG ngày 28/5/2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2026,

Học viện thông báo việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I của Học viện năm 2026, cụ thể như sau:

1. Đối tượng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Đối tượng dự xét thăng hạng viên chức hạng I là những viên chức của Học viện đang giữ chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II (các chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính, Chuyên viên chính, Biên tập viên chính, Nghiên cứu viên chính), có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

1.1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01

Đối tượng xét là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, đang công tác tại các đơn vị trực thuộc Học viện, có nguyện vọng và được cơ quan, đơn vị cử dự xét thăng hạng.

1.2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên viên cao cấp (hạng II), mã số 01.001

Đối tượng xét là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính, mã số 01.002, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, đang công tác tại các đơn vị trực thuộc Học viện, có nguyện vọng và được cơ quan, đơn vị cử dự xét thăng hạng.

1.3. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nghiên cứu viên cao cấp (hạng I), mã số V.05.01.01

Đối tượng xét là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp nghiên cứu viên chính (hạng III), mã số V.05.01.02, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, đang công tác tại các đơn vị trực thuộc Học viện, có nguyện vọng và được cơ quan, đơn vị cử dự xét thăng hạng.

1.4. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng I, mã số V.11.01.01

Đối tượng xét là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II, mã số V.11.01.02, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, đang công tác tại các đơn vị trực thuộc Học viện, có nguyện vọng và được cơ quan, đơn vị cử dự xét thăng hạng.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Viên chức, các văn bản hướng dẫn thi hành đối với chức danh nghề nghiệp viên chức.

Tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I chi tiết tại các **Phụ lục** kèm theo thông báo này.

3. Chỉ tiêu thăng hạng được phân bổ như sau

Căn cứ số chức danh nghề nghiệp viên chức theo cơ cấu và số viên chức hiện có, Học viện xác định chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I của Học viện phân bổ cho các đơn vị trực thuộc Học viện, trong đó chỉ tiêu chuyên viên cao cấp được ưu tiên cho đối tượng là cán bộ lãnh đạo, quản lý; viên chức các đơn vị chức năng có vị trí việc làm tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm nội bộ, đề án, dự án, chương trình hành động; năng lực tham mưu hoạch định chiến lược, quy hoạch, chế độ, chính sách gắn với chuyên môn nghiệp vụ của Học viện; không xét thăng hạng chuyên viên cao cấp cho các viên chức ở đơn vị nghiên cứu, giảng dạy. Chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I của Học viện phân bổ như sau:

TT	Chức danh nghề nghiệp viên chức	Phân bổ chỉ tiêu						
		Trung tâm HV	Học viện I	Học viện II	Học viện III	Học viện IV	Học viện BC&TT	Học viện HC&QTC
1	Giảng viên cao cấp (hạng I)	80	15	15	12	8	25	30
2	Chuyên viên cao cấp	32	8	9	9	6	10	12
3	Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)	2	0	0	1	0	0	0
4	Biên tập viên hạng I	3	1	0	0	0	1	1

4. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

Mỗi viên chức đăng ký dự xét thăng hạng phải nộp 01 (một) bộ hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đăng ký dự xét thăng hạng (theo mẫu số 1);
- Sơ yếu lý lịch viên chức (mẫu 2C/TCTW) có xác nhận của cơ quan quản lý viên chức;

- Bản sao các văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (*Đối với văn bản do cơ sở giáo dục đào tạo nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận theo quy định*);

- Bản kê khai các công trình nghiên cứu khoa học, bài báo khoa học, biên soạn sách phục vụ đào tạo,... có xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý kèm theo các minh chứng: Bản sao quyết định hoặc hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và biên bản nghiệm thu hoặc quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học; bản sao bài báo khoa học đã công bố; tên đầu sách phục vụ đào tạo đã được thẩm định và nghiệm thu theo quy định (*Đối với sách phục vụ đào tạo cần có giấy xác nhận mục đích sử dụng trong giảng dạy, đào tạo của các Học viện trực thuộc, Viện nghiên cứu, giảng dạy trực thuộc Học viện hoặc cơ sở giáo dục đại học*);

- Bản kê khai xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm nội bộ, đề án, dự án, chương trình hành động, chiến lược, quy hoạch, chế độ, chính sách gắn với chuyên môn nghiệp vụ của Học viện: Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo, Tổ soạn thảo văn bản hoặc có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng của người có thẩm quyền đối với trường hợp không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo, Tổ soạn thảo theo quy định. Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp ban, cấp ngành, cấp tỉnh hoặc có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền về việc chủ trì/tham gia xây dựng văn bản.

- Bản sao quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ và quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp tương đương (*nếu có*);

- Các minh chứng của điều kiện điểm cộng (*nếu có*);

- Bản cá nhân tự khai tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (*theo mẫu PL 3.1, 3.2, 3.3, 3.4*);

Các ứng viên phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chính xác về nội dung hồ sơ và các văn bản sao chụp.

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của mỗi viên chức được để vào một bì đựng riêng; có danh mục các tài liệu liên quan xếp theo thứ tự (theo quy định tại Thông tư 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ Nội vụ).

(Lưu ý: Căn cứ bản kê khai tiêu chuẩn dự xét thăng hạng của từng chức danh, yêu cầu cá nhân và đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các tiêu chuẩn khai trong từng chức danh dự xét thăng hạng; chỉ được tính điểm cộng khi có minh chứng kèm theo; sắp xếp minh chứng theo thứ tự như trong bản kê khai. Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của mỗi viên chức được để vào một bì đựng riêng theo quy định tại Thông tư 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức).

5. Lệ phí dự xét thăng hạng

Dự kiến mức thu lệ phí xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: 1.200.000đ/người; Lệ phí phúc khảo xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: 150.000đ/người (nếu có).

Viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nộp lệ phí vào tài khoản của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và ghi như sau:

- Đơn vị nhận tiền: Văn phòng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Tài khoản: 2150363106 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Cầu Giấy.
- Nội dung nộp: Lệ phí xét thăng hạng CDNN viên chức năm 2026.
- Tên người nộp:
- Đơn vị công tác:

6. Thời gian, địa điểm

- Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng gửi về Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (qua Vụ Tổ chức cán bộ), số 135 đường Nguyễn Phong Sắc, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

- Tổ chức xét thăng hạng dự kiến hoàn thành trong tháng 8/2026.

- Địa điểm tổ chức xét thăng hạng: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, số 135 đường Nguyễn Phong Sắc, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Học viện thông báo và triển khai thực hiện Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2026.

Các văn bản, danh sách (theo mẫu DS.01, DS.02, DS.03, DS.04) và hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp gửi về Vụ Tổ chức cán bộ đồng thời gửi file danh sách qua Email: binhtchema@gmail.com (file Excel, font chữ Times New Roman). Thời hạn nhận văn bản và hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trước ngày **12/6/2026**.

Các mẫu biểu được đăng trên Cổng thông tin điện tử Học viện, địa chỉ: www.hcma.vn).

Nơi nhận:

- Các đơn vị trực thuộc Học viện,
- Cổng thông tin điện tử,
- Lưu: VT, TCCB.

**K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Duy Bắc

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đơn vị

*

**ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
Từ hạng II lên hạng I**

Kính gửi: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I
của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2026

Tên tôi là:

Giới tính:

Sinh ngày tháng năm

Điện thoại:

Đơn vị công tác:

Chức vụ:

Trình độ chuyên môn đào tạo:

Chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay:

Mã số:

Bậc lương: Hệ số lương: Ngày tháng năm tính nâng bậc lương:

Thời gian bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay:

Sau khi nghiên cứu tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I theo Thông báo số 435-TB/HVCTQG ngày 29/5/2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, tôi có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I theo quy định.

Kính đề nghị Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2026 xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho tôi.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng ... năm 2026

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên)

NHẬN XÉT CỦA THỦ TRƯỞNG TRỰC TIẾP QUẢN LÝ VIÊN CHỨC

- Đồng chí không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và pháp luật.

- Kết quả xếp loại viên chức năm 2025:

- Xếp loại đảng viên năm 2025:

- Đã giảng dạy chuyên đề đào tạo hệ cao cấp lý luận chính trị (Đối với giảng viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Chính trị khu vực);

- Đã giảng dạy % môn học/học phần chương trình đào tạo cử nhân hoặc sau đại học của chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm (Đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Học viện Hành chính và Quản trị công).

Đồng chí có ĐỦ/KHÔNG ĐỦ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Thủ trưởng trực tiếp quản lý

(Ký tên, đóng dấu)

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đơn vị

*

BẢN KÊ KHAI TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG
Giảng viên cao cấp (hạng I) – Mã số: V.07.01.01

Họ và tên:

Chức vụ:

Chức danh nghề nghiệp: **Giảng viên chính (hạng II) Mã số: V.07.01.02**

Đơn vị công tác:

1. Tiêu chuẩn, điều kiện

TT	Tiêu chuẩn, điều kiện	Có/Không
1	Có Bằng Tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy.	
2	Có Bằng Cao cấp lý luận chính trị hoặc Cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc bằng cử nhân chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 09/7/2021.	
3	Có Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm hoặc Chứng chỉ Phương pháp giảng dạy tích cực hoặc Phương pháp giảng dạy hiện đại hoặc Chứng chỉ Bồi dưỡng giảng viên Lý luận chính trị.	
4	Có Chứng chỉ Bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. <i>Riêng giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Học viện Hành chính và Quản trị công áp dụng tiêu chuẩn, điều kiện này đối với giảng viên giảng dạy chuyên ngành lý luận chính trị.</i>	
5	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) trước ngày 30/6/2022.	
6	Có kiến thức chuyên sâu về các học phần được phân công giảng dạy và có kiến thức vững vàng của chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm; - Đã giảng dạy 03 chuyên đề trở lên của chương trình đào tạo hệ cao cấp lý luận chính trị; - Giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Học viện Hành chính và Quản trị công đã giảng dạy 50% môn học/học phần trở lên của chương trình đào tạo cử nhân hoặc sau đại học.	
7	Chủ trì thực hiện ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở hoặc 01 (một) đề tài, đề án, dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên.	
8	Hướng dẫn ít nhất 02 (hai) học viên được cấp bằng thạc sĩ hoặc hướng dẫn chính hoặc phụ ít nhất 01 (một) nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ. Đối với giảng viên không tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ thì số lượng đề tài, đề án, dự án khoa học đã được nghiệm thu phải gấp 02 (hai) lần số lượng đề tài, đề án, dự án khoa học học quy định tại mục 7 tiêu chuẩn, điều kiện xét này.	
9	Chủ trì biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo được Hội đồng khoa học của Viện hoặc Học viện thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng hệ cao cấp lý luận chính trị hoặc trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy hoặc đào tạo của giảng viên và có mã số chuẩn quốc tế ISBN.	
10	Tác giả của ít nhất 06 (sáu) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy của giảng viên đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN.	
11	Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 hoặc tương đương tối thiểu đủ 06 (sáu) năm; trong đó phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng II), mã số V.07.01.02 tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.	
12	Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên năm 2025; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.	

2. Bản kê khai tính xét thăng hạng Giảng viên cao cấp (hạng I)

STT	Điều kiện	Có/Không
1	Có Huân chương	
2	Có Huy chương	
3	Có Danh hiệu vinh dự Nhà nước	
4	Có Giải thưởng Hồ Chí Minh	
5	Có Giải thưởng Nhà nước	
6	Có Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	
7	Có Bằng khen cấp Bộ, cấp tỉnh và tương đương	
8	Chiến sĩ thi đua (<i>chỉ tính 01 danh hiệu cao nhất</i>)	
	8.1. Chiến sĩ thi đua toàn quốc	
	8.2. Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, cấp tỉnh	
	8.3. Chiến sĩ thi đua cơ sở	
9	Xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy chế, quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh/Học viện trực thuộc hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học (gọi tắt là Đề tài nghiên cứu khoa học) cấp nhà nước, cấp bộ đã được ban hành hoặc nghiệm thu (<i>không tính những văn bản, đề tài, đề án... đã xét theo Tiêu chuẩn xét tại mục 1</i>)	
	9.1. Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; quy chế, quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh/Học viện trực thuộc	
	9.2. Chủ trì thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước	
	9.3. Chủ trì thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ	
10	Đạt giải thưởng cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hoặc giải thưởng trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, khoa học, công nghệ, giảng dạy (<i>Giải Nhất và tương đương trở lên 4 điểm; Giải Nhì và tương đương 3 điểm; Giải Ba và tương đương 2 điểm; Giải Khuyến khích và tương đương 1 điểm</i>)	
11	Có thời gian giữ chức danh giảng viên chính (hạng II) và tương đương từ 10 năm trở lên	
12	Có thời gian đi nghiên cứu thực tế, biệt phái tại ban, bộ, ngành, địa phương từ đủ 12 tháng trở lên	
13	Giảng viên còn dưới 05 năm công tác là đến tuổi nghỉ hưu	

Người kê khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

- Các minh chứng đã sử dụng để xét tiêu chuẩn, điều kiện tại mục 1 không sử dụng để tính điểm cộng tại mục 2.
- Thời điểm tính thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức và thời gian đến tuổi nghỉ hưu của viên chức là thời điểm hết hạn nhận hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đơn vị

*

BẢN KÊ KHAI TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG
Chuyên viên cao cấp – Mã số: 01.001

Họ và tên:

Chức vụ:

Chức danh nghề nghiệp: **Chuyên viên chính – Mã số: 01.002**

Đơn vị công tác:

1. Tiêu chuẩn, điều kiện

TT	Tiêu chuẩn, điều kiện	Có/Không
1	Có Bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.	
2	Có Bằng Cao cấp lý luận chính trị hoặc Cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc bằng cử nhân chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 09/7/2021.	
3	Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên cao cấp hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.	
4	Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên chính và tương đương được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng xác nhận bằng văn bản (kèm theo hồ sơ) có một trong các nhiệm vụ khoa học sau: - Chủ trì hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy chế, quy định, đề án, dự án, chương trình hành động, chiến lược, quy hoạch, chế độ, chính sách gắn với chuyên môn nghiệp vụ của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh/Học viện trực thuộc đã được ban hành và được Giám đốc Học viện/Học viện trực thuộc xác nhận; - Chủ trì đề tài, đề án, dự án khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu.	
5	Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên chính và tương đương có một trong các thành tích sau: - Có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên; - Có ít nhất 03 năm công tác được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	
6	Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên năm 2025; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.	
7	Có thời gian giữ chức danh chuyên viên chính và tương đương từ đủ 06 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh chuyên viên chính thì thời gian giữ chức danh chuyên viên chính tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh chuyên viên chính không liên tục thì được cộng dồn).	

2. Bản kê khai tính xét thăng hạng Chuyên viên chính

STT	Điều kiện	Có/Không
1	Có bằng tiến sĩ chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm	
2	Có bằng thạc sĩ chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm	
3	Có Huân chương	
4	Có Huy chương	
5	Có Danh hiệu vinh dự Nhà nước	
6	Có Giải thưởng Hồ Chí Minh	
7	Có Giải thưởng Nhà nước	
8	Có Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	
9	Có Bằng khen cấp Bộ, cấp tỉnh và tương đương	
10	Chiến sĩ thi đua (<i>chỉ tính 01 danh hiệu cao nhất</i>)	
	10.1. Chiến sĩ thi đua toàn quốc	
	10.2. Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, cấp tỉnh	
	10.3. Chiến sĩ thi đua cơ sở	
11	Xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy chế, quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh/Học viện trực thuộc hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học (gọi tắt là Đề tài nghiên cứu khoa học) cấp nhà nước, cấp bộ, cấp cơ sở đã được ban hành hoặc nghiệm thu (<i>không tính những văn bản, đề tài, đề án... đã xét theo Tiêu chuẩn xét tại mục 1</i>)	
	11.1. Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; quy chế, quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh/Học viện trực thuộc	
	11.2. Chủ trì thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước	
	11.3. Chủ trì thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ	
	11.4. Chủ trì thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở	
12	Đạt giải thưởng cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hoặc giải thưởng trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, khoa học, công nghệ, giảng dạy (<i>Giải Nhất và tương đương trở lên 4 điểm; Giải Nhì và tương đương 3 điểm; Giải Ba và tương đương 2 điểm; Giải Khuyến khích và tương đương 1 điểm</i>)	
13	Có thời gian giữ chức danh chuyên viên chính và tương đương từ 10 năm trở lên	
14	Có thời gian đi nghiên cứu thực tế, biệt phái tại ban, bộ, ngành, địa phương từ đủ 12 tháng trở lên	
15	Viên chức còn dưới 05 năm công tác là đến tuổi nghỉ hưu	

Người kê khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

- Các minh chứng đã sử dụng để xét tiêu chuẩn, điều kiện tại mục 1 không sử dụng để tính điểm cộng tại mục 2.
- Thời điểm tính thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức và thời gian đến tuổi nghỉ hưu của viên chức là thời điểm hết hạn nhận hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Đơn vị

*

BẢN KÊ KHAI TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG
Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) - Mã số: V.05.01.01

Họ và tên:

Chức vụ:

Chức danh nghề nghiệp: **Nghiên cứu viên chính (hạng II) Mã số: V.05.01.02**

Đơn vị công tác:

1. Tiêu chuẩn, điều kiện

STT	Tiêu chuẩn, điều kiện	Có/Không
1	Có trình độ tiến sĩ phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu, yêu cầu của vị trí việc làm.	
2	Có Bằng Cao cấp lý luận chính trị hoặc Cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc bằng cử nhân chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 09/7/2021.	
3	Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học. Trường hợp vị trí việc làm viên chức yêu cầu có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật, viên chức có chứng chỉ hành nghề được sử dụng thay thế chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học tương ứng.	
4	Trong thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc tương đương đạt ít nhất 05 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn và bảo đảm một trong các điều kiện sau: a) Đã chủ nhiệm ít nhất 01 đề tài, đề án, dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia và tham gia ít nhất 02 đề tài, đề án, dự án khoa học công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên hoặc chủ nhiệm ít nhất 03 đề tài, đề án, dự án khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và tham gia ít nhất 02 đề tài khoa học công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên. b) Là tác giả chính hoặc chủ biên của ít nhất 01 sách chuyên khảo và tác giả chính của ít nhất 02 bài báo khoa học được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín. c) Là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 01 sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế và được chuyển giao, thương mại hóa; hoặc là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 02 giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền và được ứng dụng trong thực tiễn.	
5	Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên năm 2025; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và pháp luật.	
6	Có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc tương đương từ đủ 06 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương, phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng cộng dồn) giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.	

2. Bản kê khai tính xét thăng hạng Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)

STT	Điều kiện	Có/Không
1	Có Huân chương	
2	Có Huy chương	
3	Có Danh hiệu vinh dự Nhà nước	
4	Có Giải thưởng Hồ Chí Minh	
5	Có Giải thưởng Nhà nước	
6	Có Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	
7	Có Bằng khen cấp Bộ, cấp tỉnh và tương đương	
8	Chiến sĩ thi đua (<i>chỉ tính 01 danh hiệu cao nhất</i>)	
	8.1. Chiến sĩ thi đua toàn quốc	
	8.2. Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, cấp tỉnh	
	8.3. Chiến sĩ thi đua cơ sở	
9	Xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy chế, quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh/Học viện trực thuộc hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học (gọi tắt là Đề tài nghiên cứu khoa học) cấp nhà nước, cấp bộ, cấp cơ sở đã được ban hành hoặc nghiệm thu (<i>không tính những văn bản, đề tài, đề án... đã xét theo Tiêu chuẩn xét tại mục 1</i>)	
	9.1. Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; quy chế, quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh/Học viện trực thuộc	
	9.2. Chủ trì thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước	
	9.3. Chủ trì thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ	
	9.4. Chủ trì thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở	
10	Đạt giải thưởng cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hoặc giải thưởng trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, khoa học, công nghệ, giảng dạy (<i>Giải Nhất và tương đương trở lên 4 điểm; Giải Nhì và tương đương 3 điểm; Giải Ba và tương đương 2 điểm; Giải Khuyến khích và tương đương 1 điểm</i>)	
11	Có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) và tương đương từ 10 năm trở lên	
12	Có thời gian đi nghiên cứu thực tế, biệt phái tại ban, bộ, ngành, địa phương từ đủ 12 tháng trở lên	
13	Viên chức còn dưới 05 năm công tác là đến tuổi nghỉ hưu	

Người kê khai*(Ký, ghi rõ họ tên)***Lưu ý:**

- Các minh chứng đã sử dụng để xét tiêu chuẩn, điều kiện tại mục 1 không sử dụng để tính điểm cộng tại mục 2.
- Thời điểm tính thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức và thời gian đến tuổi nghỉ hưu của viên chức là thời điểm hết hạn nhận hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đơn vị

*

BẢN KÊ KHAI TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG
Biên tập viên hạng I – Mã số: V.11.01.01

Họ và tên:

Chức vụ:

Chức danh nghề nghiệp: **Biên tập viên hạng II – Mã số: V.11.01.02**

Đơn vị công tác:

1. Tiêu chuẩn, điều kiện

STT	Tiêu chuẩn, điều kiện	Có/Không
1	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành báo chí, xuất bản. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học khác ngành báo chí, xuất bản thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ báo chí, xuất bản do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành báo chí, xuất bản.	
2	Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 09/7/2021.	
3	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành biên tập viên hoặc có chứng chỉ hành nghề biên tập viên (đối với biên tập viên lĩnh vực xuất bản).	
4	Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II (hoặc tương đương) đã chủ trì hoặc tham gia biên tập ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc chủ trì ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, dự án khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên đã được nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu.	
5	Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II (hoặc tương đương) được tặng bằng khen hoặc đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên do có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp.	
6	Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II (hoặc tương đương) ít nhất là đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II thì phải có ít nhất đủ 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II không liên tục thì được cộng dồn).	
7	Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên năm 2025; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.	

2. Bản kê khai tính xét thăng hạng Biên tập viên hạng I

STT	Điều kiện	Có/Không
1	Có bằng tiến sĩ chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm	
2	Có Huân chương	
3	Có Huy chương	
4	Có Danh hiệu vinh dự Nhà nước	
5	Có Giải thưởng Hồ Chí Minh	
6	Có Giải thưởng Nhà nước	
7	Có Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	
8	Có Bằng khen cấp Bộ, cấp tỉnh và tương đương	
9	Chiến sĩ thi đua (<i>chỉ tính 01 danh hiệu cao nhất</i>)	
	9.1. Chiến sĩ thi đua toàn quốc	
	9.2. Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, cấp tỉnh	
	9.3. Chiến sĩ thi đua cơ sở	
10	Xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy chế, quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh/Học viện trực thuộc hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học (gọi tắt là Đề tài nghiên cứu khoa học) cấp nhà nước, cấp bộ, cấp cơ sở đã được ban hành hoặc nghiệm thu (<i>không tính những văn bản, đề tài, đề án... đã xét theo Tiêu chuẩn xét tại mục 1</i>)	
	9.1. Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; quy chế, quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh/Học viện trực thuộc	
	9.2. Chủ trì thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước	
	9.3. Chủ trì thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ	
11	9.4. Chủ trì thực hiện Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở	
12	Đạt giải thưởng cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hoặc giải thưởng trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, khoa học, công nghệ, giảng dạy (<i>Giải Nhất và tương đương trở lên 4 điểm; Giải Nhì và tương đương 3 điểm; Giải Ba và tương đương 2 điểm; Giải Khuyến khích và tương đương 1 điểm</i>)	
13	Có thời gian giữ chức danh biên tập viên II và tương đương từ 10 năm trở lên	
14	Có thời gian đi nghiên cứu thực tế, biệt phái tại ban, bộ, ngành, địa phương từ đủ 12 tháng trở lên	

Người kê khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

- Các minh chứng đã sử dụng để xét tiêu chuẩn, điều kiện tại mục 1 không sử dụng để tính điểm cộng tại mục 2.
- Thời điểm tính thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức và thời gian đến tuổi nghỉ hưu của viên chức là thời điểm hết hạn nhận hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

DẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

(Mẫu DS.01)

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN CAO CẤP (HẠNG I) NĂM 2026

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính		Chức danh nghề nghiệp	Cơ quan đơn vị đang công tác	Lương hiện hưởng		Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ CDNN tương đương)	Trình độ Chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Chứng chỉ BID Kinh điển	Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN	Giảng dạy	Nhiệm vụ khoa học	Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh	Sách phục vụ đào tạo	Bài báo	Xếp loại năm 2025	Ghi chú	
			Nam	Nữ			Hệ số lương	Mã số CDNN nghiệp vụ hiện giữ														
1	Nguyễn Văn A	12/02/1981	X		Giảng viên chính (hạng II)	Viện Kinh tế chính trị học	5,42	V.07.01.02	8 năm 6 tháng	Trình sĩ Kinh tế	Cao cấp LLCT-HC	Phương pháp sư phạm	năm 2010	Bồi dưỡng CDNN GVDH	03 CD Cao cấp LLCT	Chủ nhiệm: 2 CS; Tham gia 01 Bộ	HD 03 Học viên ThS	Chủ trì 01 sách	Tác giả: 10 bài	HTXS NV		
2	...																					
3																						

(Danh sách gồm ... viên chức)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

(Mẫu DS.02)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN VIÊN CAO CẤP NĂM 2026

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính		Chức danh nghề nghiệp	Cơ quan đơn vị đang công tác	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ CDNN tương đương)	Lương hiện hưởng		Mã số CDNN nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ theo tiêu chuẩn CDNN	Nhiệm vụ khoa học	Thành tích Bằng khen TTg hoặc 03 HTXS NV	Xếp loại năm 2025	Ghi chú
			Nam	Nữ				Hệ số lương									
1	Nguyễn Văn A	12/02/1981	x		Chuyên viên chính	Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng	8 năm	5,42	01.002		Thạc sĩ QLGD	Cao cấp LLCT-HC	CVCC	Tham gia xây dựng 03 Đề án	03 HTXS NV	HTXS NV	
2	...																
3																	

(Danh sách gồm viên chức)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Mẫu DS.03)

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐẢNG KỶ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
NGHIÊN CỨU VIÊN CAO CẤP (HẠNG I) NĂM 2026**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính		Chức danh nghề nghiệp	Cơ quan đơn vị đang công tác	Lương hiện hưởng		Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ CDNN tương đương)	Trình độ Chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ BDCDNGKH hoặc CCHN	Nhiệm vụ khoa học	Xếp loại năm 2025	Ghi chú
			Nam	Nữ			Hệ số lương	Mã số CDNN nghiệp hiện giữ							
1	Nguyễn Văn A	12/02/1981	x		Nghiên cứu viên chính (hạng II)	Viện Xây dựng Đảng	5,42	V.05.01.02	8 năm	Tiến sĩ XDĐCQNN	Cao cấp LLCT	BDCDNGKH	Chủ nhiệm 3 nhiệm vụ khoa học cấp bộ 02 Sách và 04 bài báo Scopus	HTXSNV	
2	...														
3															

(Danh sách gồm ... viên chức)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

(Mẫu DS.04)

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHIỆP BIÊN TẬP VIÊN HẠNG I NĂM 2026

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính		Chức danh nghề nghiệp	Cơ quan đơn vị đang công tác	Lương hiện hưởng		Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ CDNN tương đương)	Trình độ Chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ TCDDNNBT V hoặc Chứng chỉ hành nghề BTV	Nhiệm vụ khoa học	Danh hiệu thi đua	Xếp loại năm 2025	Ghi chú
			Nam	Nữ			Hệ số lương	Mã số CDNN nghiệp hiện giữ								
1	Nguyễn Văn A	12/02/1980	x		Biên tập viên hạng II	Tập chí Lý luận chính trị	5,42	V.11.01.02	8n4t	Cử nhân Báo chí	Cao cấp LLCT	BDCDNN BTV	Chủ trì 02 đề tài NCKH chuyên ngành cấp bộ	02 CSTĐCS	HTTNV	
2	...															
3																

(Danh sách gồm ... viên chức)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ